

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh vốn đầu tư tiểu dự án: Phục hồi quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Phú Yên (JICA 2), vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Hiệp định vay vốn số VN11-P9 ký ngày 30/3/2012 về dự án: Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ, giữa Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Biên bản thảo luận về dự án: Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ giữa Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 25/10/2011;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/02/2012 về việc phê duyệt dự án đầu tư dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ; số 1291/QĐ-BNN-KH ngày 31/5/2012 về phê duyệt kế hoạch tổng thể dự án JICA2; số 1798/QĐ-BNN-XD ngày 01/8/2012 về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu một số gói thầu thuộc dự án JICA2; số 2532/QĐ-BNN-HTQT ngày 24/6/2016 về phê duyệt điều chỉnh nội dung Quyết định số 319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/02/2012; số 3251/QĐ-BNN-HTQT ngày 01/8/2017 về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 2532/QĐ-BNN-HTQT ngày 24/6/2016; số 3400/QĐ-BNN-KH ngày 17/8/2017 về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 1291/QĐ-BNN-KH ngày 31/5/2012; số 3657/QĐ-BNN-KH ngày 11/9/2017 về phê duyệt điều chỉnh phụ lục Quyết định số 3400/QĐ-BNN-KH ngày 17/8/2017;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh về dự án JICA2: Số 1326/QĐ-UBND ngày 04/9/2012 về việc phê duyệt dự án đầu tư; số 900/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 về việc điều chỉnh dự án đầu tư; số 1796/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đối ứng; số 2059/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh vốn đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại Công văn số 999/SKHĐT-TĐ ngày 15/5/2018) và Sở Nông nghiệp và PTNT (tại Tờ trình số 123/TTr-SNN ngày 02/5/2017),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh vốn đầu tư tiểu dự án: Phục hồi quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Phú Yên (JICA 2), vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản, với các nội dung sau:

1. Nội dung điều chỉnh:

a) Điều chỉnh, bổ sung khối lượng:

TT	Hạng mục	ĐVT	Tại QĐ số 2059/QĐ-UBND ngày 31/8/2016	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tăng (+)	Giảm (-)		
1	Hợp phần phát triển rừng phòng hộ						
1.1	Trồng rừng mới	ha	700		-247	453	
1.2	Bảo vệ rừng	ha	1.350		-11	1.339	
1.3	Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên	ha	-	+1.000		1.000	
2	Hợp phần Phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh						
2.2	Đường ranh cản lửa	km	30		-11	19	
2.3	Trạm quản lý BVR	Trạm	3	+1		4	

b) Điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư: Từ 153.898 triệu đồng giảm xuống còn 97.029 triệu đồng; lý do giảm: Do đồng Yên trượt giá, cụ thể:

- Nguồn vốn vay ODA: 77.341 triệu đồng.

- Nguồn vốn đối ứng: 19.688 triệu đồng, gồm: Chi phí quản lý dự án, mua sắm thiết bị; chi phí giám sát; bảo hiểm, thuế và các loại phí, chi phí duy tu đường ranh cản lửa.....

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Hạng mục	Tại QĐ số 2059/QĐ- UBND ngày 31/8/2016			Điều chỉnh tổng vốn		Sau điều chỉnh		
		Tổng số	Vốn vay	Đối ứng	tăng (+)	giảm (-)	Tổng số	Vốn vay	Đối ứng
1	Hợp phần phát triển rừng phòng hộ	22.674	22.674			-411	22.263	22.263	
-	Trồng rừng mới	21.016	21.016			-6.227	14.789	14.789	
-	Bảo vệ rừng	1.657	1.657			-23	1.634	1.634	
-	Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên				+5.840		5.840	5.840	
2	Hợp phần phát triển cơ sở hạ tầng sinh kế	38.984	38.984			-5.981	3.003	33.003	
3	Hợp phần Phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh	11.552	11.552			-2.644	8.908	8.908	
4	Hợp phần Kiểm soát PCCCR	1.928	1.928			-128	1.800	1.800	
5	Dự phòng trượt giá	33.828	33.828			-33.828	-	-	
6	Dự phòng khối lượng	5.713	5.713			-1.727	3.986	3.986	
7	Lãi suất khoản vay	1.741	1.741			- 601	1.140	1.140	
8	Phí cam kết	1.474	1.474			-524	950	950	
9	Quản lý dự án (Chi phí quản lý dự án, mua sắm thiết bị; chi phí giám sát, chi phí duy tu đường ranh cản lửa.....)	30.714		30.714		-11.026	19.688		19.688
	Tổng cộng	153.898	123.184	30.714		-56.870	97.029	77.341	19.688

2. Nguyên nhân điều chỉnh:

- Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình triển khai thực tế tại đại phương, trong đó một số diện tích chưa trồng mới đã tái sinh thành rừng.

- Do đồng Yên của Nhật trượt giá. Điều chỉnh theo Quyết định số 3657/QĐ-BNN-KH ngày 11/9/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

3. Các nội dung khác: Theo các Quyết định của UBND tỉnh Phú Yên: Số 1326/QĐ-UBND ngày 04/9/2012, số 900/QĐ-UBND ngày 12/6/2014, số 2059/QĐ-UBND ngày 31/8/2016.

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm về nội dung trình phê duyệt; tính chính xác về nội dung điều chỉnh; sớm thực hiện hoàn thành các công việc theo đúng tiến độ; tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các huyện: Đồng Xuân, Sơn Hòa, Sông Hinh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP và các PVP UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu VT, HgA, H_K



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH** /s/

Trần Hữu Thế